

製品一覧表

項目	シリーズ名	定格電圧範囲 (Vdc)	定格静電容量範囲 (μF)	静電容量温度特性	RoHS2適合性	頁
チップ形	NTS	25~500	0.010~47	X7R : -55~+125°C Δ C/C 25°C = ±15%以内 X7S : -55~+125°C Δ C/C 25°C = ±22%以内	適合	13
チップ形	NTF	25~500	0.033~33			17
チップ形	KVF	25~100	0.033~15	X8L : -55~+125°C Δ C/C 25°C = ±15%以内 +125~+150°C Δ C/C 25°C = +15%, -40%以内		21
金属キャップ形	NTJ	25~250	1.0~100	X7R : -55~+125°C Δ C/C 25°C = ±15%以内		24
金属キャップ形	KVJ	25~100	0.68~22	X8L : -55~+125°C Δ C/C 25°C = ±15%以内 +125~+150°C Δ C/C 25°C = +15%, -40%以内		27
リード形	NTD	25~500	0.1~470	X7R : -55~+125°C Δ C/C 25°C = ±15%以内		30
リード形	KVD	25~100	0.1~15	X8L : -55~+125°C Δ C/C 25°C = ±15%以内 +125~+150°C Δ C/C 25°C = +15%, -40%以内		34